Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9015.90.00

Mã HS	9015.90.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị và dụng cụ dùng để quan trắc (kể cả quan trắc ảnh), dùng cho thủy văn học, hải dương học, thủy học, khí tượng học hoặc địa lý học, trừ la bàn; máy đo xa / - Bộ phận và phụ kiện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 09:31:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90159000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18054
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18054
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18054
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17365
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17294
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17294
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17294
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17294
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17294
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17294
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17350
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17350
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17350
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17350
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17350
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17351
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17351
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17351
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17351
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17351
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17351
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17356
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17312
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17308
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17308
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17308
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17308
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17308
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17308
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17354
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17354
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17354
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17354
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17354
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17354
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17416
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17416

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17416
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17416
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17416
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17416
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17392
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17392
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17392
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17392
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17392
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17392
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17387
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17387
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17387
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17387
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17387
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17387
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17417
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17417
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17417
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17417
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17417
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17417
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17416
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17416
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17416
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17416

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17416
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17416
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17510
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17510
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17510
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17510
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17510
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17510
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17510
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17379
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17379
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17379
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17379
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17379
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17379
RCEP B	2022	2022	0	B!D17379
RCEP B	2023	2023	0	B!E17379
RCEP B	2024	2024	0	B!F17379
RCEP B	2025	2025	0	B!G17379
RCEP B	2026	2026	0	B!H17379
RCEP B	2027	2027	0	B!I17379
RCEP C	2022	2022	0	C!D17377
RCEP C	2023	2023	0	C!E17377
RCEP C	2024	2024	0	C!F17377
RCEP C	2025	2025	0	C!G17377
RCEP C	2026	2026	0	C!H17377

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17377
RCEP D	2022	2022	0	D!D17376
RCEP D	2023	2023	0	D!E17376
RCEP D	2024	2024	0	D!F17376
RCEP D	2025	2025	0	D!G17376
RCEP D	2026	2026	0	D!H17376
RCEP D	2027	2027	0	D!I17376
RCEP E	2022	2022	0	E!D17380
RCEP E	2023	2023	0	E!E17380
RCEP E	2024	2024	0	E!F17380
RCEP E	2025	2025	0	E!G17380
RCEP E	2026	2026	0	E!H17380
RCEP E	2027	2027	0	E!I17380
RCEP F	2022	2022	0	F!D17379
RCEP F	2023	2023	0	F!E17379
RCEP F	2024	2024	0	F!F17379
RCEP F	2025	2025	0	F!G17379
RCEP F	2026	2026	0	F!H17379
RCEP F	2027	2027	0	F!I17379
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16296
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16296
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16296
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16296

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9015.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9015.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18054), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.